| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN S**<br>**TP. HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **12/**2020/HNGĐ - ST
Ngày: 31/3/2020
V/v tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Việt H**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đàm Hữu L**
Ông **Vũ Anh Ch**
***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hải H**
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S*** tham gia phiên toà: Bà **Trịnh Thị O** – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh ***Vương Xuân S***, sinh năm 1971
  Địa chỉ: Thôn Ngô Đ, xã Tân H, huyện S, TP Hà Nội
- *Bị đơn:* Chị ***Ngô Thị D***, sinh năm 1972
  Địa chỉ: Thôn Ngô Đ, xã Tân H, huyện S, TP. Hà Nội
  Có mặt chị S, chị D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 15.01.2020 và trong quá trình xét xử, anh vương Xuân S trình bày:***

-Về tình cảm: Anh và chị Ngô Thị D có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1990, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện S, thành phố Hà Nội vào tháng 8/1990 nhưng do thời gian đã lâu nên anh không còn giữ được Giấy chứng nhận kết hôn bản chính. Anh đã đến UBND xã Tân H để xin cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn nhưng

UBND xã Tân H không còn lưu giữ sổ sách đăng ký kết hôn năm 1990 nên không cấp được bản sao giấy chứng nhận kết hôn cho anh.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng anh về sống chung với bố mẹ anh tại thôn Ngô Đ, xã Tân H, huyện S, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 5/1994 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do con trai lớn của anh khi đó mới 2 tuổi, khi cả nhà đang ăn cơm thì cháu bé đi ra ngồi chơi thì lại ngồi vào đúng chỗ tổ kiến nên cháu bị kiến cắn. Chị D ra thấy con bị kiến cắn thì lại nói là gia đình anh ngạ con ngạ cháu, anh nghe được thì bức xúc anh có tát chị D 01 cái và chị D quay lại cãi anh nên anh đã đưa chị D về nhà bố mẹ chị D để nhờ ông bà dạy dỗ lại chị D. Sau khi anh đưa chị D về nhà bố mẹ chị D thì chính quyền địa phương có đến hòa giải dàn xếp để vợ chồng về chung sống với nhau nuôi dạy con cái nhưng bố của chị D không cho chị D về chung sống cùng với anh nên vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng khong còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là: Vương Xuân Tr, sinh ngày 18.6.1992 và Vương Thị Ph, sinh ngày 19.9.1993. Ly hôn hiện nay các con đã trưởng thành, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại biên biên bản lấy lời khai ngày 10.3.2020 và trong quá trình xét xử bị đơn là chị Ngô Thị D trình bày:***

-Về tình cảm: Chị và anh Vương Xuân S có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện S, thành phố Hà Nội năm 1990 do khi chị đi khỏi nhà anh S không mang theo Giấy chứng nhận kết hôn mà vẫn để ở nhà anh S nên chị không có để cung cấp cho Tòa án.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng chị về sống chung cùng với bố mẹ anh S tại thôn Ngô Đ, xã Tân H, huyện S, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lúc đó vợ chồng cũng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng anh S lại mang hết quần áo của chị và chị về trả chị cho bố mẹ chị. Từ đó đến nay chưa lần nào anh S cùng gia đình đến đón chị về mà anh S có nhờ hội phụ nữ thôn đến động viên chị về nhưng bố chị yêu cầu gia đình anh S phải có người lớn đến nói chuyện thì mới cho chị về nhưng gia đình anh S lại không có ai đến nói chuyện nên chị không về nhà anh S nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, anh S làm đơn xin ly hôn chị đồng ý.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là: Vương Xuân Tr, sinh ngày 18.6.1992 và Vương Thị Ph, sinh ngày 19.9.1993. Hiện nay các con đã trưởng thành, đều có gia đình riêng và tự lo được cho bản thân nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000. Xử:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vương Xuân S và chị Ngô Thị D.

+ Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh S, chị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh S xin ly hôn chị , hiện chị D cư trú tại thôn Ngô Đ, xã Tân H, huyện S, thành phố Hà Nội, căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Anh Vương Xuân S và chị Ngô Thị D tổ chức lễ cưới vào tháng 8/1990, anh chị lấy nhau có tìm hiểu, tự nguyện. Quá trình điều tra anh chị đều khai có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND xã Tân H, huyện S, thành phố Hà Nội nhưng không xuất trình được giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án. Qua xác minh tại UBND xã Tân H hiện UBND không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1990 mà chỉ lưu được sổ sách về việc đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến nay. Quá rà soát sổ sách từ năm 1994 đến nay không thấy anh S và chị D có đăng ký kết hôn nên không cung cấp được bản sao giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Do vậy không có cơ sở để xác định anh chị có đăng ký kết hôn hay không.

Mặc dù anh chị về chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, được gia đình hai bên chấp nhận và anh chị thực sự có chung sống với nhau như vợ chồng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình từ năm 1990 đến năm 1994. Tuy nhiên căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03.01.1987 đến ngày 01.01.2001 mà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01.01.2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. từ sau ngày 01.01.2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng". Do vậy xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là không hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị đều xác định vợ chồng chung sống với nhau đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau từ đó cho đến nay. Đến nay anh chị đều xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Tuy nhiên do hôn nhân của anh chị là không hợp pháp nên Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung Vương Xuân Tr, sinh ngày 18.6.1992 và Vương Thị Ph, sinh ngày 19.9.1993. Hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh S, chị D không đề nghị nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vương Xuân S và chị Ngô Thị D.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vương Xuân Trư, sinh ngày 18.6.1992 và Vương Thị Ph, sinh ngày 19.9.1993. Hiện nay các con anh chị đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, anh S phải chịu. Được trừ vào số tiền 300.000đ anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00018534 ngày 06.3.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Anh S, chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***
- *VKSND H. S;*
- *THADS H. S;*
- *Toà án Hà Nội;*
- *UBND xã Tân H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Việt Hùng**